

ĐỀ XUẤT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ NHẪM GIẢM NGHÈO NHANH VÀ BỀN VỮNG Ở TÂY NGUYÊN

Ngô Thị Hiền Trang

Trường Cao đẳng Công nghệ thông tin Hữu nghị Việt – Hàn

nghttrang88@gmail.com

TÓM TẮT - Xóa đói - giảm nghèo ở vùng Tây Nguyên được coi là công tác quan trọng hàng đầu, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn trong khu vực. Trong những năm qua, công tác xóa đói - giảm nghèo đã đạt được nhiều kết quả tích cực, song tỷ lệ hộ nghèo, đặc biệt là tỷ lệ hộ nghèo người đồng bào dân tộc thiểu số còn cao. Bài viết sử dụng phương pháp định tính, phân tích và tổng hợp các tài liệu liên quan đến chính sách giảm nghèo tại khu vực Tây Nguyên. Từ đó, tác giả đã đề xuất hai nhóm chính sách giảm nghèo đó là tạo điều kiện để hộ nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập và tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội, an sinh xã hội.

Từ khóa - Xóa đói, giảm nghèo, chính sách, Tây Nguyên.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tây Nguyên luôn được đánh giá là vùng giàu tiềm năng, có vị trí địa lý chính trị đặc biệt quan trọng, là vùng trọng điểm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc gia. Tuy nhiên, tỷ lệ hộ nghèo ở Tây Nguyên lại cao hơn so với nhiều vùng khác và so với cả nước. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã đưa ra nhiều chính sách ưu đãi nhằm tạo điều kiện cho Tây Nguyên phát triển. Nhìn chung, các chính sách này trong quá trình thực hiện đã phát huy tác dụng tích cực, hỗ trợ cho sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung, xóa đói giảm nghèo nói riêng trên địa bàn Tây Nguyên. Tuy nhiên, trên thực tế, một số chính sách chưa thực sự phù hợp hoặc chưa có hướng dẫn cụ thể để các địa phương thực hiện nên kết quả chưa được như mong đợi. Vì vậy, việc rà soát lại các chính sách hiện hành để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp nhằm giảm nghèo nhanh và bền vững ở Tây Nguyên là hết sức cần thiết.

2. NỘI DUNG

2.1. Đánh giá việc thực hiện chính sách giảm nghèo ở Tây Nguyên - vấn đề đặt ra

Tây Nguyên đã được thụ hưởng các chính sách xóa đói giảm nghèo chung và các chính sách giảm nghèo đặc thù cho địa bàn miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số của Nhà nước. Nhìn chung, những chính sách chủ yếu đang còn phát huy hiệu quả gồm:

- Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo giai đoạn 2016 – 2010 tập trung vào vùng lõi nghèo; Nghị quyết 80/2012/NQ-CP, ngày 31/08/2012 của chính phủ về Định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011 - 2020; Các Chương trình, chính sách giảm nghèo bền vững cho Tây Nguyên 2012 - 2020. Các chương trình này hướng đến áp dụng một số chính sách đối với các hộ gia đình Tây Nguyên như: hỗ trợ đất sản xuất, hỗ trợ làm nhà ở, hỗ trợ về y tế, giáo dục, hướng dẫn cách làm ăn hiệu quả, dạy nghề cho thanh niên trong độ tuổi lao động, cho hộ nghèo vay vốn tín dụng ưu đãi đầu tư cho sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng cho các xã nghèo...

- Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định 755/QĐ-TTg trên địa bàn Tây Nguyên với mục tiêu giải quyết được 70% số hộ thiếu đất ở, đất sản xuất. Chính sách này cơ bản giải quyết tình trạng thiếu nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn.

- Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020. Mục tiêu của chương trình này là tập trung giải quyết những vấn đề khó khăn, bức xúc nhất về đời sống, sản xuất; từng bước cải thiện và nâng cao điều kiện sống cho hộ dân tộc thiểu số nghèo, hộ nghèo ở vùng đặc biệt khó khăn; góp phần giảm nghèo bền vững, giảm dần chênh lệch trong phát triển giữa vùng dân tộc thiểu số và miền núi với các vùng khác trong cả nước.

- Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên được thực hiện từ năm 2014 đến năm 2019 tại 130 xã thuộc 26 huyện của 6 tỉnh gồm: Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Quảng Ngãi và Quảng Nam với tổng mức đầu tư 165 triệu USD (tương đương 3.465 tỷ đồng) từ vốn ngân sách và vốn vay ODA của Ngân hàng Thế giới. Tỷ lệ hộ nghèo trung bình của 26 huyện tham gia dự án chiếm khoảng 49%, với tổng mức dân số khoảng 1,2 triệu người, trong đó hơn 50% là đồng bào dân tộc thiểu số. Mục tiêu của dự án là nâng cao mức sống thông qua cải thiện cơ hội sinh kế ở các xã nghèo trong vùng dự án, từ các hợp phần của dự án được triển khai như phát triển cơ sở hạ tầng cấp xã và thôn bản, phát triển sinh kế bền vững, cơ sở hạ tầng kết nối, nâng cao năng lực và truyền thông, quản lý dự án.

Trên cơ sở các chính sách trực tiếp hỗ trợ xóa đói, giảm nghèo của Trung ương, mỗi địa phương đã xây dựng chính sách của mình. Tỉnh Lâm Đồng đã phê duyệt và triển khai thực hiện chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững ở các huyện có tỉ lệ hộ nghèo trên 30% với mức đầu tư cho xã là 3 tỷ đồng/năm, 200 - 300 triệu đồng cho thôn, buôn/năm. Tỉnh Kon Tum hỗ trợ cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn không thuộc 2 huyện nghèo với mức hỗ trợ như Lâm Đồng. Tỉnh Gia Lai và Đắk Nông xây dựng và triển khai các chương trình tương tự đối với các huyện nghèo (các huyện K’Bang, Krông Chro, Ia Pa và Krông Pa tỉnh Gia Lai và 2 huyện Đăk Glông và Tuy Đức của tỉnh Đắk Nông). Tỉnh Đắk Lắk đã và đang triển khai chương trình phát triển kinh tế xã hội ở 5 huyện khó khăn là M’Đrăk, Krông Bông, Lắk, Buôn Đôn và Ea Súp. Nhiều dự án khác tập trung vào phát triển sản xuất, đầu tư kết cấu hạ tầng, đặc biệt là Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng theo QĐ661, được bổ sung bằng QĐ 100/2006/QĐ-TTg.

Nhờ triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2016 - 2010, ở Tây Nguyên, tỷ lệ hộ nghèo bình quân cả nước giảm còn 6,8% (giảm 1,4 -1,5% so với cuối năm 2016). Trong đó, tỷ lệ hộ nghèo bình quân ở các huyện nghèo giảm còn dưới 40% (giảm khoảng 5% so với cuối năm 2016). Ở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, vùng dân tộc và miền núi, tỷ lệ hộ nghèo giảm khoảng 3-4% so với cuối năm 2016, đạt mục tiêu đề ra theo Quyết định 1722/QĐ-TTg.

Trải qua gần 4 năm thực hiện, Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên đã đạt được nhiều kết quả khả quan, trong đó năm 2017 có kết quả thực hiện tốt nhất. Ở hợp phần nâng cấp cơ sở hạ tầng, có 427/525 tiểu dự án cấp xã và thôn bản được hoàn thành, chiếm 81,3%, cao hơn năm 2016 là 1,4 lần; có 50/87 tiểu dự án cơ sở hạ tầng kết nối cấp huyện hoàn thành, chiếm 57,5% và cao hơn năm 2016 là 36 tiểu dự án; số tiểu dự án vận hành và bảo trì là 159/213, đạt 74,6%, cao hơn năm 2016 là 5,3 lần. Tính từ khi thực hiện dự án đến hết năm 2017, đã có 1.154 tiểu dự án được hoàn thành với 475 con đường, 85 hệ thống tưới tiêu, 81 phòng học, 87 hệ thống nước sinh hoạt, 43 công trình xã hội khác. Các công trình thiết yếu trên đã đáp ứng tốt nhu cầu học tập, sinh hoạt và sản xuất cho người dân, giúp cải thiện chất lượng cuộc sống và tăng hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho người dân. Trong năm 2017 có 16.724 lượt người lao động tại chỗ được thanh toán tiền thực hiện tiểu dự án.

Theo báo cáo kết quả thực hiện Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn (theo Quyết định 755/QĐ-TTg), trên địa bàn Tây Nguyên, đã có trên 4 ngàn hộ được hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất và trên 57 ngàn hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán. Báo cáo nêu rõ, tổng kinh phí hỗ trợ đã cấp cho 5 tỉnh Tây Nguyên là 154 tỷ 248 triệu đồng, qua đó đã hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất cho 4.479 hộ gồm: Đắk Lắk (1051 hộ), Lâm Đồng (13 hộ), Đắk Nông (95 hộ), Kon Tum (754 hộ), Gia Lai (374 hộ); chuyển đổi nghề cho 15.905 hộ gồm Lâm Đồng (1.015 hộ), Kon Tum (2.363 hộ), Gia Lai (1.988 hộ), Đắk Lắk (780 hộ), Đắk Nông (3.577 hộ); hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 57.322 hộ trong đó Đắk Nông 4.808 hộ, Lâm Đồng 1.770 hộ, Gia Lai 4.177 hộ, Đắk Lắk 12.743 hộ, Kon Tum 7.567 hộ. Cũng trong năm 2016 Tây Nguyên đã xây dựng mới và duy tu bảo dưỡng 230 công trình nước sinh hoạt tập trung, trong đó 13 công trình tại Đắk Lắk, 13 công trình tại Lâm Đồng, 5 công trình tại Đắk Nông và 199 công trình tại Gia Lai. Bên cạnh đó, 2.191 hộ tại các tỉnh Kon Tum và Gia Lai đã được hỗ trợ đất ở.

Những con số đáng khích lệ trên là kết quả của sự nỗ lực của Đảng, Nhà nước, Chính quyền địa phương và đồng bào Tây Nguyên. Song, đánh giá chung, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên và vùng phụ cận vẫn là vùng còn nghèo và khó khăn nhất so với cả nước. Tình hình đói nghèo trên địa bàn vẫn còn diễn ra phức tạp, công tác giảm nghèo chưa thật sự bền vững. Số hộ đã thoát nghèo nhưng

mức thu nhập nằm sát chuẩn nghèo còn lớn. Số hộ tái nghèo hàng năm còn cao (chiếm khoảng 7% trong số hộ nghèo mới). Tỷ lệ hộ nghèo vẫn tập trung ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Có một thực tế cần khẳng định rõ ràng, cho dù có nỗ lực đến mấy thì từ điểm xuất phát quá thấp, thời gian qua chưa đủ cho Tây Nguyên chuyển mình kịp so với mặt bằng chung của cả nước. Song, cũng cần lưu ý một số vấn đề thuộc về các nhân tố chủ quan sau (đó cũng là nguyên nhân của các chính sách chưa phát huy tác dụng tối đa) để kịp thời điều chỉnh:

Tây Nguyên có tổng diện tích 54.641 km², diện tích tự nhiên rộng, nhưng diện tích đất canh tác ít. Tài nguyên rừng là cơ bản đối với đồng bào trước đây, nay đã bị chặt phá nhiều, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của đồng bào, nảy sinh nhiều hệ lụy do môi trường canh tác bị suy thoái, thường xuyên xảy ra lũ quét, lũ ống.

Tổng dân số đến năm 2015 là khoảng 5.525.800 người, trong đó khoảng 1,8 triệu người là đồng bào dân tộc thiểu số, sống phân tán, thu nhập thấp, chủ yếu sản xuất nông nghiệp nhưng trình độ sản xuất còn lạc hậu. Cơ sở hạ tầng của toàn vùng còn nhiều thiếu thốn và yếu kém. Thu ngân sách trên địa bàn thấp. Cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội của đồng bào vùng cao còn nhiều bất cập. Vẫn còn tồn tại trẻ em vùng sâu - xa chưa có điều kiện đến trường, chưa tiếp cận được chính sách hỗ trợ giáo dục. Đồng bào vùng cao được cấp thẻ bảo hiểm y tế nhưng lại không đến được bệnh viện vì đường quá xa, chi phí đi lại, ăn ở quá cao so với mức hỗ trợ khám chữa bệnh nên đành ở nhà tự chữa, dẫn đến nghịch lý thừa kinh phí bảo hiểm y tế, phải chuyển trả lại về Trung ương.

Các nguồn hỗ trợ của Nhà nước còn phân tán, thiếu đồng bộ, hiệu quả thấp, chưa hỗ trợ đúng mức cho phát triển sản xuất. Các chương trình, Dự án đề ra mục tiêu rõ ràng, nhưng không cân đối nguồn lực đầy đủ và kịp thời nên dẫn đến đầu tư dở dang, kéo dài, kém hiệu quả. Vốn nội vùng thiếu, nguồn thu từ nội vùng chỉ đáp ứng khoảng 20% nhu cầu chi, phần lớn phụ thuộc vào nguồn ngân sách Trung ương - thường thiếu hụt và chậm nên khó chủ động, sáng tạo trong vận dụng cơ chế chính sách cho phù hợp với mỗi địa phương.

Đội ngũ cán bộ cơ sở còn yếu, cán bộ khoa học, kỹ thuật còn rất thiếu. Tây Nguyên vẫn chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, nhận thức của một bộ phận người nghèo về chương trình giảm nghèo chưa đầy đủ. Tâm lý ỷ lại, trông chờ vào sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước, không muốn tự thoát nghèo để được hưởng các chế độ, chính sách ưu đãi ở một bộ phận cán bộ và dân cư còn nặng. Công tác chỉ đạo, điều hành ở một số địa phương chưa kịp thời, xây dựng kế hoạch và phân công nhiệm vụ cho các thành viên còn chung chung, từ đó, đã hạn chế việc phát huy nội lực, không đồng viên được đồng bào nỗ lực vươn lên thoát khỏi đói, nghèo.

2.2. Một số đề xuất nhằm thực hiện giảm nghèo nhanh và bền vững ở Tây Nguyên

**** Nhóm chính sách tạo điều kiện để hộ nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập***

- Mỗi địa phương cần cải tiến việc xây dựng kế hoạch trong các chính sách giảm nghèo. Việc xác định mục tiêu nên căn cứ vào nguồn lực thực tế cho mỗi giai đoạn (5 hay 10 năm), hướng tới phương thức quản lý, điều phối nguồn lực giảm nghèo theo kết quả thực hiện mục tiêu thay cho phương thức phân bổ theo đầu vào. Địa phương có thể chia tổng nguồn vốn hỗ trợ giảm nghèo thành 2 kỳ. Những đơn vị làm tốt nhiệm vụ kỳ 1 sẽ được phân bổ nhiều hơn ở kỳ 2. Ngoài ra, địa phương cần xem xét lại việc phân cấp hoàn toàn cho cấp huyện, khắc phục tình trạng phân tán nguồn lực ở quá nhiều kênh như hiện nay. Địa phương cần có cơ chế phù hợp, khách quan, minh bạch trong điều phối các nguồn hỗ trợ bổ sung từ các doanh nghiệp, đơn vị tài trợ, bảo đảm sự cân đối cho các huyện nghèo, tránh chênh lệch quá lớn, nâng cao định mức hỗ trợ từ ngân sách cho thực hiện các hợp phần, các hạng mục đầu tư tương xứng với khó khăn đặc thù của từng địa bàn.

- Đối với các chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo: địa phương cần quản lý tốt đối tượng vay vốn, đẩy mạnh cung cấp tín dụng ưu đãi cho những hộ nghèo có khả năng lao động, có nhu cầu về vốn để phát triển sản xuất, tự tạo việc làm, đa dạng hóa sinh kế, tăng thu nhập tiến tới thoát nghèo.

- Đối với chính sách hỗ trợ dạy nghề miễn phí cho người nghèo gắn với việc làm: Tập trung ưu tiên hỗ trợ người nghèo theo “Đề án hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn” thông qua đào tạo,

dạy nghề thiết thực, phù hợp để họ tự tạo việc làm hoặc tìm việc làm trên thị trường lao động, lao động xuất khẩu, góp phần giảm nghèo bền vững.

- Đối với chính sách hỗ trợ khuyến nông – lâm - ngư miễn phí cho người nghèo làm nông nghiệp ở nông thôn: tập trung hỗ trợ, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng áp dụng kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh nông nghiệp có năng suất và thu nhập cao; mở các lớp bồi dưỡng kiến thức kinh doanh trong kinh tế hộ gia đình như xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh, hạch toán thu – chi, tiếp cận thị trường tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa trên cơ sở khai thác tiềm năng thế mạnh của vùng.

- Mở rộng và có cơ chế lồng ghép các chương trình, dự án, các chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội mang tính đặc thù vùng núi cao; Cải tiến mạnh mẽ việc xác định đối tượng, nội dung, phương thức hỗ trợ giảm nghèo; Điều chỉnh lại nguyên tắc “mỗi hộ nghèo chỉ được hỗ trợ từ 1 dự án”, bởi như thế đã tạo ra sự thiếu công bằng, thiếu thực tiễn do mức độ và thời gian hỗ trợ giữa các dự án rất khác nhau.

*** Nhóm chính sách tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội, an sinh xã hội**

- Tăng cường các chính sách an sinh xã hội tạo cơ hội cho người nghèo có việc làm ổn định, đa dạng hóa sinh kế phù hợp với đặc thù của từng địa phương, tăng thu nhập để thoát nghèo bền vững. Đặc biệt, ưu tiên cho các chính sách phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an ninh gắn liền với bảo tồn, phát triển bản sắc văn hóa dân tộc; Thực hiện tốt Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ về giáo dục cho người nghèo phù hợp với đặc thù địa phương như: cấp học phí, miễn giảm học phí, chi phí học tập cho học sinh, sinh viên.

- Đổi mới công tác truyền thông, hỗ trợ pháp lý cho những hoạt động hấp dẫn, thu hút đông đảo đồng bào quan tâm như: tổ chức “Hội thi Cán bộ giảm nghèo”, đối thoại chính sách giảm nghèo với người dân; tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để phát huy cao độ vai trò của đối tượng thụ hưởng trong lựa chọn mục tiêu, nội dung hỗ trợ, nhất là làm cho họ có ý thức tự giác trong tham gia đầu tư, quản lý và giám sát dự án giảm nghèo.

- Kịp thời hỗ trợ đột xuất đối với các hộ nghèo khi có thiên tai, dịch bệnh, tai nạn rủi ro nhằm giúp hộ nghèo vượt qua khó khăn, ổn định đời sống, tạo thu nhập để giảm nghèo; Xóa bỏ các quy định rườm rà, hạn chế trong xác định đối tượng hộ nghèo không phù hợp với thực tế vùng cao (như chưa đăng ký hộ khẩu không được công nhận hộ nghèo).

- Nên trao quyền quản lý các công trình hạ tầng do nhà nước và các tổ chức tài trợ đầu tư phục vụ nhu cầu tại địa bàn cho chính quyền cấp xã; Thường xuyên tổng kết, nhân rộng mô hình cộng đồng đối tượng thụ hưởng quản lý, vận hành công trình đạt hiệu quả cao thông qua tổ hợp tác, hợp tác xã.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đối với cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp, cán bộ thôn, bản, khối phố để các chính sách giảm nghèo được triển khai đồng bộ, kịp thời, hiệu quả.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo để kịp thời phát hiện, đề xuất, điều chỉnh bổ sung cơ chế, chính sách giảm nghèo phù hợp với thực tế cho giai đoạn tiếp theo.

Những đề xuất trên nếu được triển khai nghiêm túc, đồng bộ sẽ đem lại hiệu quả tích cực. Tuy nhiên, trước hết, mỗi tỉnh nên chọn 1 huyện làm thí điểm (trong 5 năm), vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Sau 5 năm, các tỉnh tổng kết, phát hiện điển hình mới nhân rộng mô hình giảm nghèo hiệu quả trong toàn vùng.

3. TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Ban Chỉ đạo Tây Nguyên, Báo cáo một số chính sách giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, phát triển nguồn nhân lực vùng Tây Nguyên, năm 2012.

- [2] Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Việt Nga, Nguyễn Thanh Phương, Nguyễn Văn Thục, Báo cáo Tổng quan các nghiên cứu về giảm nghèo ở Việt Nam, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Hà Nội, 2015.
- [3] Đặng Nguyên Anh, Dân số và di dân trong phát triển bền vững Tây Nguyên, Tạp chí Khoa học & Công nghệ Việt Nam, số 8, 2015
- [4] Bùi Minh Đạo (2012), Một số vấn đề cơ bản của xã hội Tây Nguyên trong phát triển bền vững, Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- [5] Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (2014), Niên giám thống kê Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Trung tâm Thông tin và Tư liệu dân số.

PROPOSING SOME POLICIES TO REDUCE POVERTY QUICKLY AND SUSTAINABLY IN THE CENTRAL HIGHLANDS

Ngo Thi Hien Trang

Vietnam – Korea Friendship Information Technology College

nghttrang88@gmail.com

ABSTRACT - *Poverty alleviation in the Central Highlands is considered the most important policy decision, in order to promote socio-economic development in the region. Over the years, the work of poverty alleviation has achieved many positive results. However, the rate of poor households in ethnic minority areas remains high. This article used qualitative methods, analysed and synthesised documents related to poverty reduction policies in the Central Highlands. Based on the results, the authors proposed two groups of poverty reduction policies, including: creating conditions and opportunities to develop production, increasing income and access of social services, social security for poor people.*

Keywords - *Eradicate hunger; alleviate poverty; policy; the Central Highlands*